

Bản án số: 76/2021/HS-ST

Ngày: 16 -11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Ông Phạm Hồng H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2021 (*xét xử lại 01 phần bản án hình sự bị hủy về việc xử lý vật chứng*) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45.1/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1956 (vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM

2/Ông Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM.

(Đồng thời là bị cáo trong vụ án và đã bị xử phạt: 03 năm tù về tội “Chứa mồi dâm” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1985 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10, phần nội dung này đã phát sinh hiệu lực pháp luật và Nguyễn Văn L đã chấp hành xong hình phạt tù theo Giấy chứng nhận đặc xá tha tù trước thời hạn số 1022/GCN ngày 25/10/1998 của Trại Giam Cải Tào – Bộ Công an).

3/Bà Nguyễn Thị Bạch T – Sinh năm: 1961.

Địa chỉ: H đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/11/2021 có chứng thực số 30295 quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/11/2021 của Văn phòng Công chứng Bình Phước).

4/Bà Nguyễn Thị S – Sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM.

5/Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: H đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/11/2021 có chứng thực số 30295 quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/11/2021 của Văn phòng Công chứng Bình Phước)

6/Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

7/Ủy ban nhân dân Quận 10, TP.HCM.

Địa chỉ: 474 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP.HCM.

Người đại diện hợp pháp:

1/Ông Võ Văn H – Sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 474 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP.HCM.

Là Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 10.

2/Bà Huỳnh Thị Lệ Q – Sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 474 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP.HCM.

Là Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị Quận 10.

(Theo Văn bản ủy quyền số 856/UBND-VP ngày 04/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10).

8/Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10, TP.HCM.

Địa chỉ: 225 - 227 đường Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP.HCM.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Võ Văn Phước L - Sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: 225 - 227 đường Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP.HCM.

Là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10, TP.HCM.

(Theo Văn bản ủy quyền số 1653/UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10).

9/Công an Phường 2, Quận 10, TP.HCM (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: 151 đường Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 10/10/1995, Công an Phường 2, Quận 10 tiến hành kiểm tra hành chính đối với căn nhà số B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM (do Nguyễn Văn L sử dụng), bắt quả tang một đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Ngày 10/11/1995, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 ra quyết định khởi tố vụ án và ngày 22/11/1995 ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn L để điều tra về hành vi “Chứa mại dâm” (nay là: Chứa mại dâm).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn L bỏ trốn khỏi địa phương; đến ngày 13/01/1996, L ra đầu thú.

Về vật chứng: đối với căn nhà số B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM do Nguyễn Văn L sử dụng và đã bỏ trốn sau khi bị phát hiện thực hiện hành vi như đã nêu trên, nên được xem như nhà vắng chủ và được Ủy ban nhân dân Phường 2 Quận 10 niêm phong (hiện trạng nhà theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/02/1996 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 lập có xác nhận và đóng dấu của Công an Phường 2, Quận 10).

Ngày 10/02/1996, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 ban hành Bản kết luận điều tra vụ án số 81/KLĐT đề nghị truy tố Nguyễn Văn L về tội “Chứa mại dâm” (*nhưng chưa xác định nguồn gốc và tình trạng sở hữu căn nhà 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10*).

Ngày 03/4/1996, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 ban hành Cáo trạng số 117/KSĐT.TA truy tố Nguyễn Văn L ra trước Tòa án nhân dân Quận 10 để xét

xử về tội “Chứa mồi dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã quyết định:

“Áp dụng khoản 1 điều 202, khoản 3 và khoản 2 điều 218, điểm a-b khoản 1 điều 33 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo NGUYỄN VĂN L 3 năm tù về tội “Chứa Mồi dâm”.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/1996.

Tiếp tục giam bị cáo để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt số tiền 2.500.000đ và truy thu 2.625.000đ số tiền thu nhập bất chính của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu xung công căn nhà 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 (Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/02/1996 của Công an Quận 10)

Cấm bị cáo cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh 03 (ba) năm. Thời hạn tính từ khi bị cáo mãn hạn tù.

Bị cáo chịu 50.000đ án phí Hình sự sơ thẩm

Bị cáo có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.”

Bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử y án sơ thẩm tại Bản án số 456/HSPT ngày 27/11/1996.

Xác định các bản án đã phát sinh hiệu lực của pháp luật, Đội Thi hành án Dân sự Quận 10 (nay là Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10) đã ra Quyết định Thi hành án số 286/THA ngày 30/01/1997 về việc thi hành Bản án số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10, trong đó có thi hành nội dung *“Tịch thu xung công căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10”* có diện tích lot lòng (8m x 2,8m), các bên lập biên bản thi hành án ngày 03/10/1997 về việc bàn giao căn nhà cho Ủy ban nhân dân Quận 10 quản lý (có đại diện Phòng Quản lý đô thị Quận 10 nhận).

Sau khi tiếp nhận căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10; trên cơ sở nhu cầu của Phường 2 và thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận 10, Phòng Quản lý đô thị Quận 10 đã ban hành Công văn số 01- 97/CV - QLĐT ngày 21/01/1997 về việc tạm giao căn nhà trên cho Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10 làm trạm chốt bãi trừ tệ nạn xã hội tại Phường 2, Quận 10; Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10 đã bố trí (phần phía trước) căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 làm trụ sở Ban điều hành khu phố 1 (Bảo vệ dân phố) do Công an Phường 2, Quận 10 quản lý.

Căn cứ vào Công văn số 5858/QLĐT-CT12 ngày 16/6/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3456/QĐ - UBND ngày 12/7/2011 về việc xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 (phần phía trước) và giao Ủy ban nhân dân Quận 10 tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nêu trên theo quy định; hiện tại Ủy ban nhân dân Quận 10 vẫn tạm giao căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 (phần phía trước) cho Ủy ban nhân dân Phường 2 tiếp nhận, quản lý và sử dụng; Ủy ban nhân dân Phường 2 giao cho Công an Phường 2 Quận 10 quản lý dùng làm trụ sở Ban điều hành khu phố 1 (Bảo vệ dân phố).

Sau đó, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H (là bốn trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ) làm Đơn kháng cáo việc giải quyết vụ án theo trình tự Tái thẩm đối với nội dung “*Tịch thu xung công căn nhà 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10*” tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 456/HSPT ngày 27/11/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị tái thẩm số 06/QĐ-VC3-V1 về việc kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 và Bản án hình sự phúc thẩm số 456/HSPT ngày 27/11/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần nội dung “*Tịch thu xung công căn nhà 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10*”.

Tại Quyết định số 27/2020/HS-TT ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: chấp nhận kháng nghị Tái thẩm, hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 và Bản án hình sự phúc thẩm số 456/HSPT ngày 27/11/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần “*Tịch thu xung công quỹ căn nhà 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10*” để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành điều tra lại, tại Bản kết luận điều tra lại vụ án hình sự số 111/KLĐT-CSĐT- ĐTTH ngày 14/12/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xác định: nguồn gốc căn nhà số 393/19 (số cũ: 393/793C) đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1930, chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1936, chết năm 1988) có nguồn gốc mua của bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1916, trú tại địa chỉ cũ là: số 21 đường Yết Kiêu, thuộc khóm 1, phường An Đông, Quận 5) trước ngày giải phóng (30/4/1975) theo Đơn xin sang tên nhà có xác nhận của Ủy ban nhân dân Cách mạng khóm 5B ngày 06/4/1976 và Đơn xin sang tên nhà có xác nhận của Ủy ban nhân dân cách mạng Quận 10 ngày 22/4/1976 tại Kiến thị số 2097/Q10 và Phòng Kiến trúc

và quản lý nhà đất Quận 10 xác nhận căn nhà trên không thuộc diện niêm phong, tiếp quản của Quận 10 vào ngày 10/4/1976 (*tất cả các tài liệu trên đã được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 10*); Ông L1 và bà Đ lúc chết không để lại di chúc; nên căn nhà số 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ. Qua thực tế kiểm tra và đo đạc tại Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà ngày 05/05/2021 thì xác định nhà số 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10 gồm hai phần diện tích, gồm: phần phía trước có diện tích và kết cấu thực tế (8,7m x 3,1m, có gác lửng) do Ban điều hành khu phố 1 quản lý và sử dụng (*đã được xác lập quyền sở hữu Nhà nước như đã nêu trên*); phần phía sau có diện tích thực tế là: chiều dài lớn nhất là 05m, chiều dài nhỏ nhất là 04m, chiều rộng là 3,1m (hình thang vuông) do gia đình ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị S hiện đang quản lý và sử dụng.

Quá trình sinh sống với nhau, Ông L1 và bà Đ có 05 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1956, theo ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H khai: Ông Nguyễn Văn H đã chết vào năm 1977 và kèm hình ảnh, thông tin xác nhận về mộ phần; nhưng trên thực tế hiện chưa có văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định ông Nguyễn Văn H đã chết); ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1960, trú tại 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10); bà Nguyễn Thị Bạch T (sinh năm 1961, số 2 đường Triệu Quang Phục, Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước); bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1965, trú tại 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10); ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1970, trú tại Số 2 đường Triệu Quang Phục, Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

Tại Công văn số 03/CV-VKS ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã đề nghị:

Tòa án nhân dân Quận 10 đưa ra xét xử xem lại việc xử lý vật chứng là căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 theo hướng không tuyên tịch thu một phần tài sản của ông Nguyễn Văn L trong căn nhà trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người tham gia tố tụng đều giữ nguyên như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; riêng phía Công an Phường 2 Quận 10 đã cung cấp nội dung thông tin “Không có yêu cầu gì đối với căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10; nếu Tòa án tuyên trả lại căn nhà trên cho chủ sở hữu trước đây, cơ quan sẽ chấp hành” và xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10:

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 5 Điều 327 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi,

bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử không tịch thu, sung quỹ Nhà nước: căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn L: căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 là tài sản duy nhất của cha mẹ tôi (Ông L1 và bà Đ), bản thân tôi có tội đã bị xử phạt 03 năm tù giam và chấp hành xong án phạt tù; nay gia đình tôi rất khó khăn, nên xin xem xét trả lại căn nhà trên cho anh em chúng tôi.

Bà Nguyễn Thị Bạch T: căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 là tài sản duy nhất của cha mẹ tôi (Ông L1 và bà Đ), bản thân ông L chứa mại dâm tại căn nhà trên, tôi không biết, nên xin xem xét trả lại căn nhà trên cho anh em chúng tôi.

Ủy ban nhân dân Quận 10: phía cơ quan Ủy ban nhân dân Quận 10 nhận tài sản là căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 trên cơ sở xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo Quyết định Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả thi hành án trên cơ sở quyết định trong bản án của Tòa án các cấp trước đây. Nay phía Ủy ban nhân dân Quận 10 không có gì yêu cầu về chi phí đối với căn nhà trên; đề nghị Tòa án xử xét xử theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10: phía cơ quan Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10 nhận, quản lý tài sản là căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 trên do Ủy ban nhân dân Quận 10 chuyển giao. Nay phía Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10 không có yêu cầu gì về chi phí đối với căn nhà trên; đề nghị Tòa án xử xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do người tham gia tố tụng cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người

tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh do người tham gia tố tụng đã trình bày nội dung thông tin về vụ án là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định nội dung và điều khoản xét xử:

- Đối với các phần nội dung tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã quyết định:

“Áp dụng khoản 1 điều 202, khoản 3 và khoản 2 điều 218, điểm a-b khoản 1 điều 33 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo NGUYỄN VĂN L 3 năm tù về tội “Chứa Mồi dâm”.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/1996.

Tiếp tục giam bị cáo để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt số tiền 2.500.000đ và truy thu 2.625.000đ số tiền thu nhập bất chính của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Cấm bị cáo cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh 03 (ba) năm. Thời hạn tính từ khi bị cáo mãn hạn tù.

Bị cáo chịu 50.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.”

Xét thấy các nội dung này đã phát sinh hiệu lực, hiện tại không có Quyết định kháng nghị theo trình tự Tái thẩm, nên không xem xét giải quyết trong nội dung Bản án xét xử sơ thẩm lại lần này nữa.

- Đối với nội dung: *“Tịch thu xung công căn nhà 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10”* mà Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã quyết định: Xét thấy nội dung này chưa có hiệu lực pháp luật do bị huỷ như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử sẽ nhận định và xem xét giải quyết trong phần xét xử sơ thẩm lại lần này, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được, xác định căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1930, chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1936, chết năm 1988): Ông L1 và bà Đ chết không để lại di chúc; Nguyễn Văn L thay mặt các anh em ruột quản lý căn nhà trên và có thực hiện hành vi tội phạm “Chứa mại dâm” ngày 10/10/1995 đối với 01 cặp nam nữ mua bán dâm tại căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 như đã nhận định trên; căn cứ vào xác nhận của chính quyền địa phương thì bản thân Ông L và gia đình bà Sương vẫn đang sinh sống tại căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10 có

hoàn cảnh thật sự khó khăn, theo các đương sự đây là di sản thừa kế duy nhất của Ông L1 và bà Đ.

Xét thấy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 nhận định và quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 điều 218 Bộ luật Hình sự năm 1985;

Buộc bị cáo nộp phạt số tiền 2.500.000đ.

Tịch thu xung công căn nhà 393/19 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 (Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/02/1996 của Công an Quận 10)

Qua phân tích, nghiên cứu và so sánh: Hội đồng xét xử xét thấy nội dung quy định hình phạt bổ sung đối với tội “Chứa mại dâm” (nay là: Chứa mại dâm) tại khoản 3 điều 218 Bộ luật Hình sự năm 1985 “*Người nào phạm tội một trong các tội quy định tại các điều từ Điều 199 đến Điều 202, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến năm triệu đồng và có thể bị tịch thu một phần tài sản*”, nhưng nội dung quy định tương tự tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do hành vi thực hiện tội phạm của ông Nguyễn Văn L vào năm 1995, nên việc áp dụng hình phạt bổ sung được điều chỉnh bởi các quy định tại Điều 218 Bộ luật Hình sự năm 1985, nhưng so sánh với việc áp dụng hình phạt bổ sung tương tự được điều chỉnh bởi các quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định có lợi cho người thực hiện hành phạm tội, cụ thể theo khoản 3 điều 218 Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định có thể áp dụng cùng lúc nhiều hình phạt bổ sung (phạt tiền và tịch thu tài sản), nhưng theo khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định có thể áp dụng một trong các loại hình phạt bổ sung (phạt tiền, phạt quản chế hoặc tịch thu tài sản); do vậy việc áp dụng hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng là căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 được thực hiện theo quy định mới có lợi cho người phạm tội quy định tại khoản 5 Điều 327 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào kết quả xét xử sơ thẩm và phúc thẩm trước đây chỉ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn L thực hiện hành vi phạm tội một lần vào ngày 10/10/1995; trong khi đó căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 không phải là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn L mà là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1930, chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1936, chết năm 1988) và trên thực tế có tồn tại những người thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 và

bà Nguyễn Thị Đ; việc L thực hiện hành vi tội phạm “Chứa mại dâm” trong một phòng tại căn nhà trên thì ông Hiền, bà Tuyết, bà Sương không biết; đồng thời hơn nữa tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã nhận định và quyết định phạt bổ sung Nguyễn Văn L 2.500.000 đồng (đã phát sinh hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, nên không xem xét lại nữa), nên Hội đồng xét xử cân nhắc không áp dụng hình phạt bổ sung tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản là căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 nữa theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 5 Điều 327 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015: không tịch thu, sung quỹ Nhà nước căn nhà số B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM; buộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận 10, Ủy ban nhân dân Phường 2 Quận 10 và Công an Phường 2 Quận 10 có trách nhiệm liên đới trả lại căn nhà B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM (phần phía trước) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1930, chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1936, chết năm 1988); kiến nghị: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy quyết định xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với căn nhà số B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM (phần phía trước), những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế để tiếp nhận và quản lý di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quá trình tiến hành tố tụng (điều tra cũng như chuẩn bị xét xử), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã có Công văn số 445/CV-CQCSĐT-ĐTTH ngày 09/4/2021 và Tòa án nhân dân Quận 10 đã có Công văn số 146/TAQ10 ngày 18/10/2021 (đính kèm Văn bản mời tham dự phiên tòa) về việc cử người tham gia tố tụng, thông báo thời gian xét xử, mời tham dự phiên tòa và trình bày ý kiến của mình theo quy định của pháp luật đối với căn nhà B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM (phần phía trước); nhưng phía cơ quan vẫn không có ý kiến gì và không cử người tham gia tố tụng, tham dự phiên tòa (ngoài việc yêu cầu các cơ quan chức năng cung cấp nguồn gốc xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với tài sản trên, nội dung này đã được làm rõ Kết luận điều tra lại của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 như đã nêu trên). Do vậy Hội đồng xét xử dành quyền yêu cầu khởi kiện của quý cơ quan cũng như các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến căn nhà B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM (phần phía trước) trong vụ án dân sự khác khi quý cơ quan, tổ chức, cá nhân xuất trình yêu cầu và chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí Hình sự sơ thẩm: đã được quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/HS-ST ngày 23/5/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10 và đã phát sinh hiệu lực, đương sự có liên quan đã chấp hành; do vậy không giải quyết và quyết định trong bản án Hình sự sơ thẩm xét xử lần này nữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 5 Điều 327, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Không tịch thu, sung quỹ Nhà nước: căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận 10, Ủy ban nhân dân Phường 2 Quận 10 và Công an Phường 2 Quận 10 có trách nhiệm liên đới trả lại căn nhà số B đường L, Phường H, Quận D, TP.HCM (*phần phía trước*) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1930, chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1936, chết năm 1988).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[Tình trạng vật chứng: căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (phần phía trước) có diện tích 8,7m x 3,1m, có gác lửng bằng gỗ và hiện trạng theo Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà ngày 05/05/2021 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10].

2/ Kiến nghị:

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Huỷ Quyết định số 3456/QĐ - UBND ngày 12/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với căn nhà số 393/19 đường Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10 (phần phía trước).

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ: Làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế để tiếp nhận và quản lý di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật.

3/Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

5/Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (4)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (9)
- Lưu: VP, Hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật